TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/DS-PT
Ngày 13-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Bích Diệp
Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 622/2024/TLPT-DS ngày 22/11/2024 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2025/QĐ-PT ngày 02/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 44/2025/QĐ-PT ngày 16/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Xuân T, sinh năm 1957; địa chỉ: số H, đường C, tổ A, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Minh C, sinh năm 1982; địa chỉ: số D, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: số D, đường T, Trung tâm hành chính thành phố D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 06/01/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đào Thế N, sinh năm 1982; địa chỉ: số D, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số D, đường số I, khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Nữ Hoàng O, sinh năm 2002; địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình hoặc bà Đỗ Lệ

H, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; cùng địa chỉ liên hệ: số D, đường số I, khu trung tâm hành chính, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (giấy ủy quyền ngày 23/5/2024); bà O, bà H có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thúc Đ – Luật sư của Công ty L1 – Chi nhánh B thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Vũ S, sinh năm 1977;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: số H, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ hiện nay: số D, đường M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Đào Thế N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Đơn khởi kiện ngày 06/01/2024, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phan Thị Minh C trình bày:

Do có quen biết với ông Nguyễn Đào Thế N nên ngày 17/10/2022, ông Ngô Xuân T cho ông N vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), theo hình thức ông T chuyển khoản cho ông N qua số điện thoại 0938373877, mã giao dịch 97225580, số giao dịch 0011fwy222900001. Hai bên không thoả thuận thời hạn vay cụ thể nhưng ông N nói làm đáo hạn ngân hàng cho khách tầm khoảng 01 tháng là sẽ trả lại cho ông T (ông N làm tại Ngân hàng B1). Ông T đã giao đủ số tiền 400.000.000 đồng cho ông N qua hình thức chuyển khoản. Quá thời gian vay, ông T nhiều lần yêu cầu ông N trả lại tiền, ngày 18/01/2023 ông N đã trả lại cho ông T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Hiện nay, ông N còn nợ ông T 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), ông T đã thông báo bằng văn bản, yêu cầu ông N trả số tiền còn lại 300.000.000 đồng nhưng ông N không thực hiện.

Nay, ông T yêu cầu ông N phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử 20/9/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền 49.883.000 đồng. Tổng cộng 349.883.000 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đỗ Lệ H trình bày:

Ông Nguyễn Đào Thế N không vay tiền của ông Ngô Xuân T, số tiền ông T chuyển khoản cho ông N vào ngày 17/10/2022 là tiền ông T cho ông Nguyễn Vũ S, bà Nguyễn Thị Ngọc D Sương vay, do ông N cũng cho ông S, bà D vay

100.000.000 đồng và ông T cho ông S, bà D vay 400.000.000 đồng, nên ông T đã chuyển 400.000.000 đồng của ông T vào tài khoản của ông N để ông N cho ông S, bà D vay với số tiền 500.000.000 đồng. Việc ông T và ông N cùng thỏa thuận cho ông S, bà D vay số tiền 500.000.000 đồng có sự chứng kiến của ông Phạm Ngọc T1, bà D, ông S. Trong đó, bà D, ông S là người trực tiếp vay tiền còn ông T1 là người giới thiệu cho bà D, ông S vay tiền ông T và ông N.

Sau khi ông T chuyển tiền cho ông N, ông N chuyển qua cho ông T1 và ông T1 chuyển tiền cho người vay là bà D, ông S. Số tiền 100.000.000 ông N thanh toán bằng chuyển khoản cho ông T vào ngày 18/01/2023 là tiền của ông S, D chuyển trả cho ông T chứ không phải do ông N trả, dòng tiền thanh toán trên đi lòng vòng từ ông S chuyển cho ông T1, ông T1 chuyển cho ông N và ông N chuyển đến ông T. Người thực tế vay tiền của ông T là bà D, ông S không phải ông N nên ông N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đối với khoản nợ 300.000.000 đồng và tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu thì ông T trực tiếp khởi kiện bà D, ông S để đòi lại không liên quan đến ông N, vì ông N chỉ là người nhận tiền từ ông T và cho bà D, ông S vay theo yêu cầu của ông T.

Căn cứ vào sao kê tài khoản ngân hàng thì dòng tiền được chuyển đến và đi cùng lúc, người chuyển tiền chuyển đến cho người nhận thì người nhận được tiền cũng tiếp tục chuyển đến đích của người thực tế nhận tiền, những người nhận tiền và chuyển đi như ông T1, ông N chỉ làm nhiệm vụ làm cầu nối chuyển tiền vay và tiền trả cho mối quan hệ vay và cho vay giữa bà D, ông S và ông T.

Do đó, ông N không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T.

Tại bản tự khai ngày 23/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ S trình bày:

Ông S cùng vợ là bà Trần Thị Ngọc D1 có nhận được thông báo thụ lý vụ án do Tòa án tống đạt qua đường bưu điện, đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân T, ông S có ý kiến như sau: Ngày 17/10/2022, qua sự giới thiệu của ông Nguyễn Đào Thế N, ông S có mượn của ông Ngô Xuân T số tiền 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông không nhận tiền trực tiếp từ ông T mà nhận số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản của ông Phạm Ngọc T1 chuyển tới cho ông. Trong số tiền chuyển tới của ông T 400.000.000 đồng và 100.000.000 đồng là ông S mượn thêm từ ông N. Đến ngày 18/01/2023, ông S chuyển khoản trả lại cho ông T1 số tiền 200.000.000 đồng. Do thời điểm mượn ông nhận tiền từ ông T1 nên đến ngày 18/01/2023 khi trả lại tiền ông S cũng chuyển khoản trả lại cho ông T1. Sau khi nhận được số tiền 200.000.000 đồng, ông T1 trả lại cho ông N, ông T thế nào ông S không rõ. Đối với số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi hiện nay ông T đang khởi kiện yêu cầu ông N thì ông đồng ý trả lại số tiền này cho ông T thay cho ông N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các chứng cứ do nguyên đơn cung

cấp, triệu tập yêu cầu đến Tòa án để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa, nhưng trong suốt quá trình tố tụng bà D vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/06/2024, người làm chứng ông Phạm Ngọc T1 trình bày:

Ông T1 là nhân viên Ngân hàng B1, thời điểm đó ông T1 biết Công ty TNHH K đã đến hạn trả tiền vay nên cần tiền để đáo hạn, thời điểm này ông Nguyễn Đào Thế N là Giám đốc của Phòng G – Ngân hàng B1 nên ông N đã giới thiệu cho ông T và ông gặp nhau, nội dung trao đổi giữa ông T, ông N và ông S thì ông T1 không được nghe nên không rõ. Sau khi mọi người về, ông N gọi ông T1 lên phòng làm việc và nói: "*Chú T chuyển tiền cho anh nhưng anh chuyển qua chỗ anh S thì kỳ quá*" nên nhờ ông T1 chuyển tiền qua cho ông S giùm ông N. Vì vậy, ông N chuyển vào tài khoản của ông T1 số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu ông T1 chuyển qua cho ông S qua tài khoản của ông S tại Ngân hàng A. Trong số tiền 500.000.000 đồng ông N chuyển tới của ông N và ông T bao nhiêu thì ông T1 không rõ.

Trong quá trình làm việc chung với ông N, có lần ông N có nhờ ông T1 gọi điện cho ông S hỏi về số tiền nợ của ông T giải quyết đến đâu rồi, ông có gọi và được ông S trả lời là: "*Chờ anh làm hồ sơ vay được rồi anh thu xếp tiền thanh toán cho chỗ chú T*".

Ông T có chuyển tiền cho ông N hay không, ông T1 không rõ, ông T1 chỉ biết ông N có chuyển cho ông số tiền 500.000.000 đồng và nhờ ông T1 chuyển cho ông S và ông đã thực hiện theo yêu cầu của ông N. Ngoài ra, ông không liên quan đến tranh chấp giữa ông T và ông N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 280, 370, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ờng"ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Xuân T với bị đơn ông Nguyễn Đào Thế N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Đào Thế N có nghĩa vụ trả lại cho ông Ngô Xuân T số tiền 349.883.000 đồng (ba trăm bốn mươi chín triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đào Thế N phải chịu 17.494.150 đồng (mười bảy triệu bốn trăm chín bốn nghìn một trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 04/10/2024, bị đơn ông Nguyễn Đào Thế N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Toà án cấp sơ thẩm đã nhìn nhận sai lệch chủ thể của hợp đồng vay:

Bản chất vụ việc là mối quan hệ vay tiền giữa ông S và ông T; ông N không vay tiền của ông T mà chỉ là người chuyển tiền vay dùm qua cho ông T và ông S; ông N là người biết ông S cần vay tiền, ông T là người có nhu cầu cho vay nên ngày 17/10/2022, ông N, ông S và ông T đã gặp nhau tại ngân hàng; cuộc gặp này nhằm mục đích giới thiệu cho ông S, ông T gặp nhau để trao đổi về khoản vay; tại bản tự khai ngày 23/09/2024 của ông S, chính ông S đã khẳng định mình là người vay tiền của ông T, còn ông N chỉ là người giới thiệu, vì chủ thể của hợp đồng vay là ông T, ông S nên ông N không có nghĩa vụ trả lại tiền cho ông T; do vậy, không có sự chuyển giao về nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 của Bộ luật Dân sự 2015 về việc chuyển giao nghĩa vụ mà Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng.

Nguyên đơn không có căn cứ chứng minh quan hệ vay tiền giữa ông N, ông T: Giữa ông N, ông T không tồn tại hợp đồng vay tiền; giữa các giao dịch chuyển khoản của ông T chuyển sang cho ông N cũng không có nội dung nào thể hiện ông N vay tiền của ông T; ông T không cung cấp được thêm chứng cứ là quan hệ vay tiền; trong khi đó, ông N, ông S đều có chung lời khai là ông S mượn tiền ông T, ông N chỉ là người trung gian nhận tiền và chuyển giao lại cho ông S; việc ông T chuyển 400.000.000 đồng cho ông N, sau đó ông N chuyển 500.000.000 đồng cho ông T1, ông T1 chuyển tiền cho ông S chỉ là cách thức giao dịch mà các bên thoả thuận; ngoài ra, các tin nhắn giữa ông T và ông N cho thấy ông T cũng thừa nhận số tiền trên không phải cho ông N vay mà là người khác, cụ thể ngày 17/6/2023, ông T nhắn tin đề nghị ông S trả góp 100.000.000 đồng/tháng, 04 tháng là xong để giải quyết khoản vay, điều này chứng tỏ ông T cũng công nhận khoản tiền đó liên quan đến ông S chứ không phải ông N; ngày 12/9/2023, ông T tiếp tục hỏi về tình hình trả nợ của ông S, ông N trả lời rằng ông S đang bán đất để có tiền trả, ông T nhắn lại "OK" và cảm ơn, điều này cho thấy ông T đã thừa nhận người vay tiền là ông S chứ không phải ông N; trong toàn bộ tin nhắn giữa ông T2, ông N có thể thấy ông T luôn nhắn tin hỏi về ông S khi nào trả tiền chứ không

phải nhắn tin đòi nợ ông N; căn cứ theo các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015, hợp đồng vay tài sản phải có sự thỏa thuận giữa các bên về việc giao tài sản, thời hạn, nghĩa vụ hoàn trả; trường hợp này, không có bằng chứng nào thể hiện ông N vay tiền của ông T nên không thể yêu cầu ông N trả lại tiền cho ông T.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Nguyên đơn ông Ngô Xuân T khởi kiện ông Nguyễn Đào Thế N trả cho ông T số tiền vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không lãi suất, chứng cứ nguyên đơn đưa ra là sao kê Ngân hàng ngày 17/10/2022 ông T chuyển khoản cho ông N 400.000.000 đồng, đến ngày 18/1/2023 ông N đã trả cho ông T số tiền 100.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 19/01/2023 (ngày gửi yêu cầu đòi nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông N thừa nhận có nhận số tiền của nguyên đơn và có trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên ông N cho rằng ông N không vay tiền của ông T, số tiền trên là tiền ông T chuyển cho ông N, để cho ông S bà D vay. Ông N cũng cho ông S, bà D vay 100.000.000 đồng, rồi nhờ ông T1 chuyển khoản cho ông Nguyễn Vũ S vay số tiền 500.000.000 đồng, ông S chuyển khoản 100.000.000 đồng trả lại ông T1, ông T1 chuyển cho ông N, ông N chuyển cho ông T. Ông Nguyễn Vũ S và người làm chứng ông Nguyễn Ngọc T3 thống nhất lời lời trình bày bị đơn, ông S đồng ý trả lại 300.000.000 đồng cho ông T nhưng ông T không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N cung cấp sao kê việc chuyển khoản đối với lời trình bày trên và 02 giấy vay nợ ngày 17/10/2022 thể hiện nội dung ông S, bà D vay ông T số tiền 538.000 đồng, giấy vay nợ ngày 24/11/2022 thể hiện nội dung ngày 24/11/2022 ông S, bà D vay ông T số tiền 680.000.000 đồng và đoạn tin nhắn giữa ông T và ông L.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn không thừa nhận hai giấy vay tiền trên, 02 giấy vay tiền trên không có chứ ký ông T, số tiền vay trong hai giấy nợ không khớp với số tiền nguyên đơn khởi kiện 400.000.000 đồng mà ông T chuyển khoản cho ông N. Những tin nhắn ông N cung cấp, ông T xác nhận đó là những tin nhắn trao đổi giữa ông T và ông N nhưng không kiên quan gì đến khoản vay trên.

Xét thấy chứng cứ bị đơn cung cấp không có giá trị chứng minh cho lời trình bày của mình, quá trình giải quyết nguyên đơn không thừa nhận số tiền 400.000.000 đồng ông T cho ông S vay giữa các bên không có chứng cứ chuyển giao nghĩa vụ theo điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền vay còn lại 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tiền lãi: Nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận về lãi suất và cũng không xác định thời hạn phải trả lại tiền vay nên hợp đồng vay tài sản giữa ông Ngô Xuân T và ông Nguyễn Đào Thế N được xác định hợp đồng vay không kỳ hạn. Ngày 18/12/2023, nguyên đơn gửi thông báo thu hồi nợ bằng văn bản đến cho bị đơn, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn thừa nhận có nhận được thông báo về yêu cầu trả lại tiền của nguyên đơn gửi qua đường bưu điện, do đó Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 bị đơn phải trả lãi do chậm trả kể từ ngày 19/01/2023 đến ngày 20/9/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền 300.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 với số tiền lãi 49.883.000 đồng là có cơ sở.

Từ những căn cứ trên cho thấy, Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S, bà D có yêu cầu giải quyết vắng mặt; căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Bị đơn kháng cáo, lý do: Việc tuyên xử vụ án nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng pháp luật, không đúng sự thật khách quan, chưa xem xét hết các tình tiết chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tiền nợ gốc:

Ông T khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ vay 300.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện sao kê tài sản ngày 17/10/2022 chuyển tiền từ số tài khoản 033172620001 đến số điện thoại 0938373877, mã giao dịch 97225580, số giao dịch 0011fwy222900001; ông N trình bày có nhận số tiền 400.000.000 đồng từ ông T chuyển khoản; ngày 18/01/2023, ông N đã chuyển khoản lại cho ông T 100.000.000 đồng. Đây là các tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông N trình bày số tiền 400.000.000 đồng ông T chuyển cho ông N là tiền ông T cho ông S, bà D vay, trình bày của ông N không được ông T thừa nhận và ông N cũng không có chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình đối với thỏa thuận giữa ông T

với ông N về việc ông T chuyển tiền cho ông N để cho ông S, bà D vay nên trình bày của ông N không có cơ sở chấp nhận. Từ chứng cứ trên có cơ sở xác định ông T giao cho ông N số tiền 400.000.000 đồng là cho vay, ngày 18/01/2023, ông N chuyển khoản trả lại cho ông T 100.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N trả cho ông T số 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông S đề nghị được trả thay ông N số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 370 Bộ luật Dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ không chấp nhận trình bày của ông S là có cơ sở.

Đối với giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 17/10/2022 với số tiền 538.000.000 đồng, có chữ ký của bên mượn ông S, bà D và giấy thỏa thuận mượn tiền ngày 24/11/2022 với số tiền 680.000 đồng có chữ ký của bên mượn trả lại đủ số tiền trên ông S, bà D có nội dung ông S, bà D mượn tiền của ông T; ông T trình bày, ông T không có ký tên nên giấy không có giá trị, không cất giữ giấy vay tiền, không biết về hai giấy vay tiền này. Do đó, hai giấy thỏa thuận trên không có giá trị pháp lý đối với ông T, ông S, bà D.

Đối với giao dịch vay tiền giữa ông N với ông S, bà D, ông N có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có tranh chấp.

[2.2] Tiền lãi:

Nguyên đơn, bị đơn không có thỏa thuận về tiền lãi và thời hạn thanh toán. Ngày 18/12/2023, nguyên đơn có gửi thông báo cho bị đơn yêu cầu bị đơn trả nợ trong vòng 10 ngày kể từ ngày 18/12/2023 đến ngày 27/12/2023. Bị đơn thừa nhận có nhận được văn bản này, hết thời hạn trên bị đơn chưa thanh toán nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 19/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2024 x mức lãi suất 0,83%/tháng x 300.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 49.883.000 đồng là phù hợp một phần, về tính thời hạn thanh toán là chưa phù hợp, trường hợp này thời hạn vi phạm nghĩa vụ sẽ tính từ ngày 28/12/2023 (ngày hết thời hạn thông báo trả tiền) đến thời điểm xét xử nên cần điều lại thời hạn tính lãi, cụ thể: Từ ngày 28/12/2023 đến ngày 13/02/2025 là 13 tháng 15 ngày x 0,83%/tháng x 300.000.000 đồng = 33.615.000 đồng.

Từ những phân tích trên, kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp một phần.

Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định, riêng nguyên đơn được miễn nộp án phí do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 370, 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đào Thế N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 313/2024/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương, như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Xuân T với bị đơn ông Nguyễn Đào Thế N về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Đào Thế N có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Xuân T nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 33.615.000 đồng, tổng cộng 333.615.000 đồng (ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Xuân T được miễn nộp án phí.

Ông Nguyễn Đào Thế N phải chịu số tiền 16.680.750 đồng (mười sáu triệu sáu trăm tám mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho ông Nguyễn Đào Thế N 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001760 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên Hằng